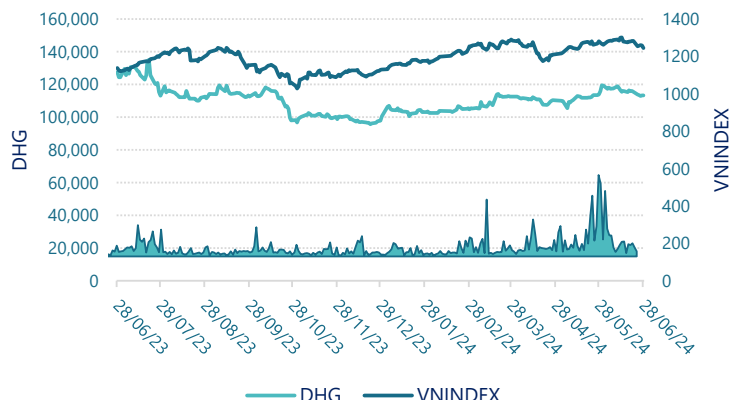


CTCP Dược Hậu Giang (HSX: DHG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 28/06/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	113,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	135,060
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	95,684
SL cổ phiếu LH	130,746,071
KLGD BQ 20 phiên (CP)	31,440
% sở hữu nước ngoài	53.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	14,814
P/E	17.6
EPS	6,439

DT thuần

Q2/24

1,106

tỷ VNĐ

QoQ: ▼153 | -12.2%

YoY: ▼47.0 | -4.1%

LN sau thuế

Q2/24

192

tỷ VNĐ

QoQ: ▼30.0 | -13.3%

YoY: ▼71.0 | -26.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

19.6%

+/- YoY: ▼ 6.1%

DT thuần

6T 2024

2,364

tỷ VNĐ

YoY: ▼17.0 | -0.7%

LN sau thuế

6T 2024

415

tỷ VNĐ

YoY: ▼209 | -33.6%

ROE

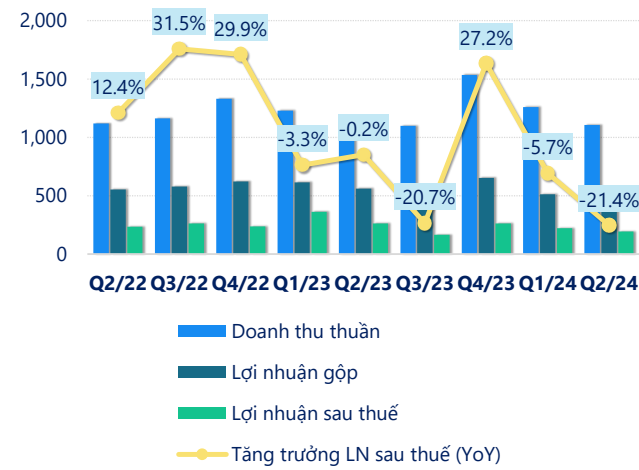
Q2/24

19.4%

+/- YoY: ▼ 7.9%

tỷ VNĐ

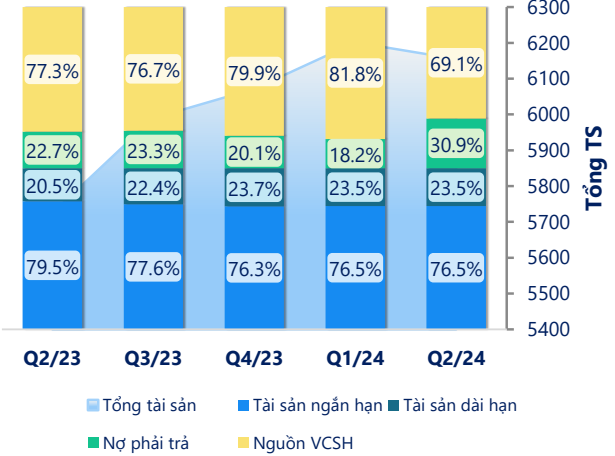
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

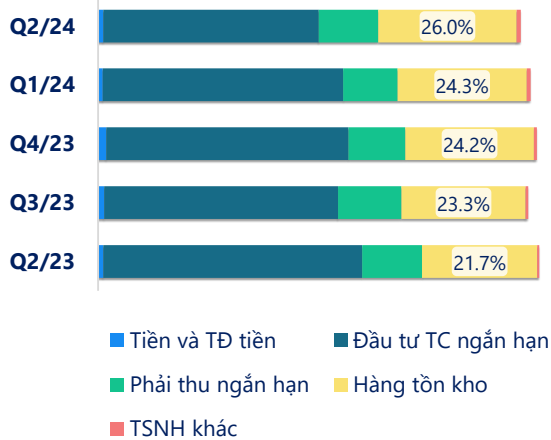
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



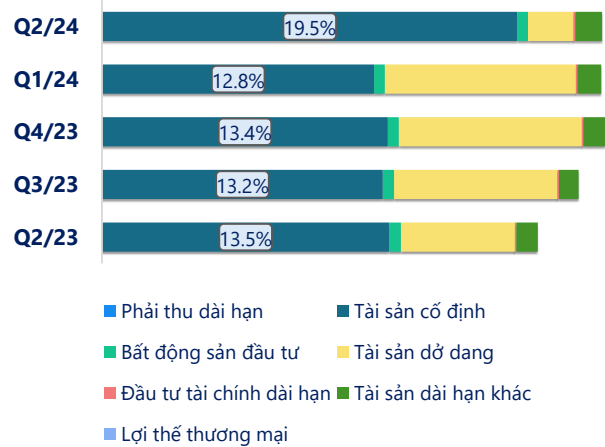
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

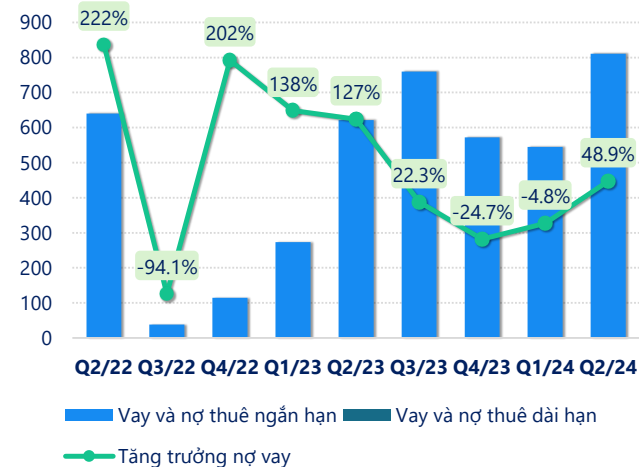
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

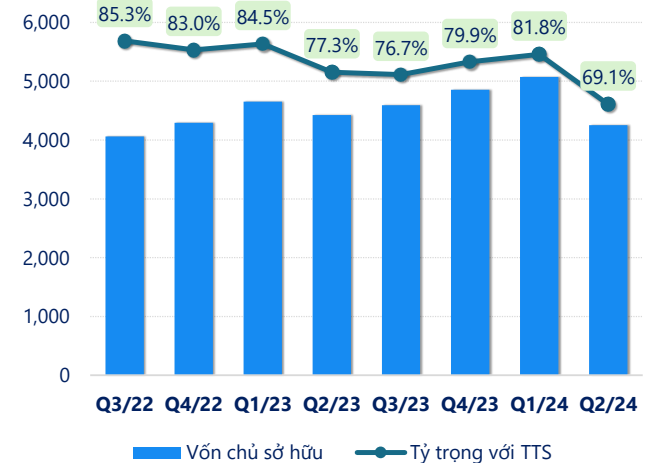
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

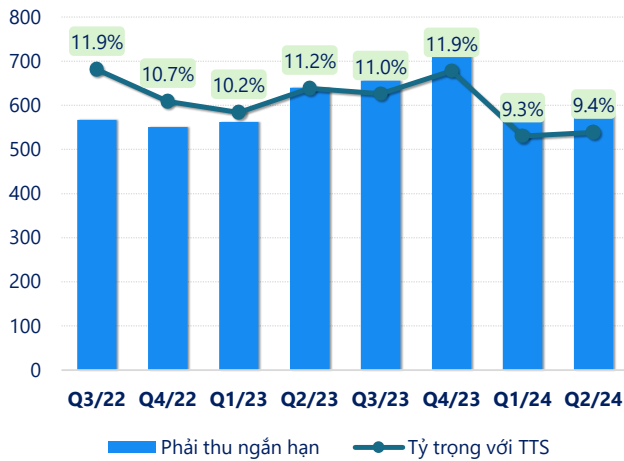
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



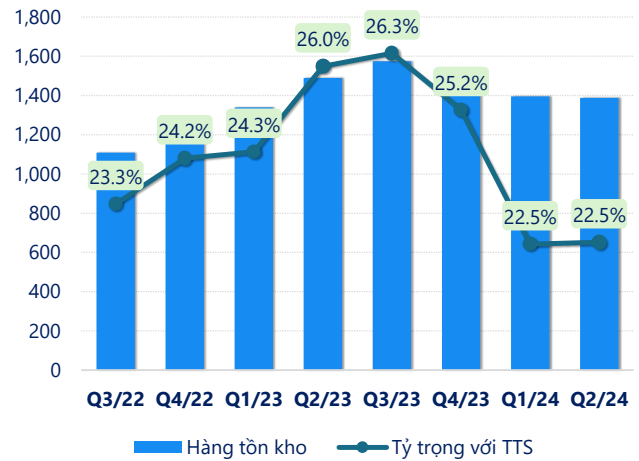
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


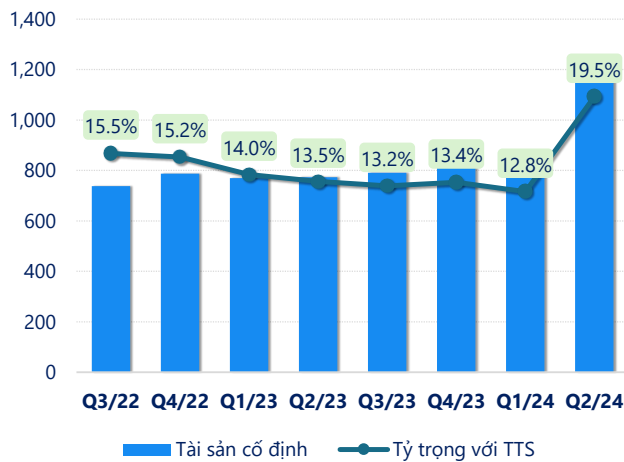
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


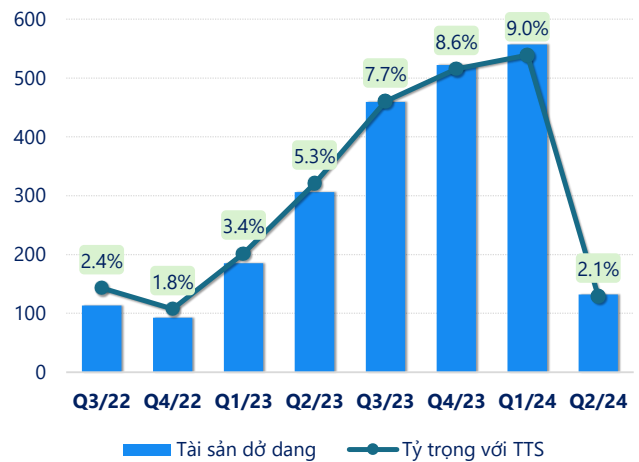
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

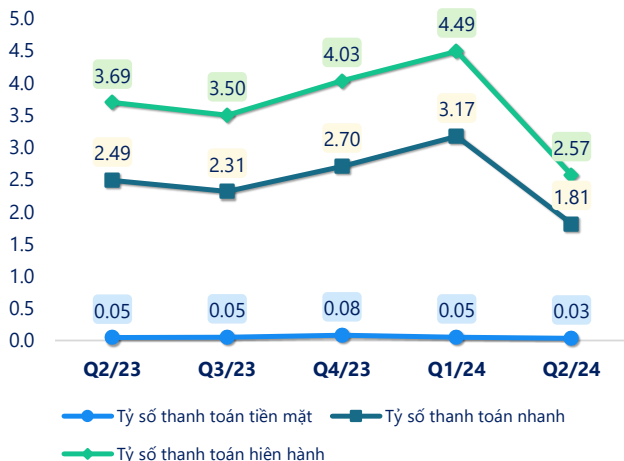
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

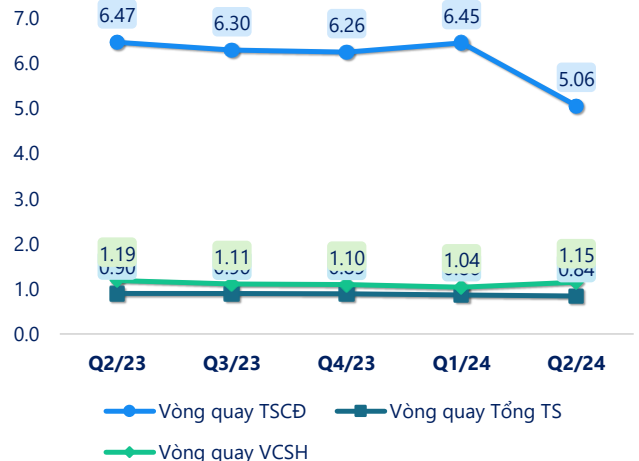
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	5,725	5,989	6,072	6,201	6,155
Tài sản ngắn hạn	4,552	4,648	4,635	4,746	4,708
Tiền và tương đương tiền	56.4	67.5	94.1	52.7	61.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,320	2,290	2,230	2,675	2,650
Phải thu ngắn hạn	639	656	721	576	580
Hàng tồn kho	1,490	1,574	1,528	1,395	1,387
Tài sản ngắn hạn khác	46.1	59.9	62.6	47.4	29.1
Tài sản dài hạn	1,173	1,342	1,436	1,455	1,447
Phải thu dài hạn	0.21	0.21	0.21	0.70	0.70
Tài sản cố định	773	791	816	793	1,201
Bất động sản đầu tư	31.9	31.7	31.5	31.3	31.1
Tài sản dở dang	306	460	522	557	132
Đầu tư tài chính dài hạn	4.51	4.16	4.18	4.42	4.53
Tài sản dài hạn khác	57.2	55.3	62.7	69.1	77.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,298	1,397	1,218	1,126	1,902
Nợ ngắn hạn	1,232	1,329	1,150	1,057	1,832
Vay và nợ thuê ngắn hạn	621	760	572	545	811
Phải trả người bán ngắn hạn	302	245	211	251	224
Nợ dài hạn	66.3	67.9	68.3	69.0	69.5
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,427	4,593	4,854	5,075	4,254
Vốn chủ sở hữu	4,427	4,593	4,854	5,075	4,254
Vốn điều lệ	1,307	1,307	1,307	1,307	1,307
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)